

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C - THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Kim Tuyến.

2. Bà Bùi Thị Minh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng - Thư ký tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố H tham gia phiên
tòa: Vũ Lan Phương – Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 19, ngõ 110 phố Kim Hoa, phường Khương L, quận Đống Đa, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Phạm Đức H, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tập thể Nhựa Bách Hóa, tổ 4, phường Nghĩa Đô, quận C, thành phố H.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang (Địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc).

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Ngọc L trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Đô, quận C, Thành phố H ngày 24/12/1999. Quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, trong giải quyết các mối quan hệ nội, ngoại, bạn bè xã hội và trong việc nuôi dạy con cái. Cả hai đã cố gắng hòa giải, hàng gần tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Phạm Ngọc L xác nhận bà và ông Phạm Đức H trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 24/5/2000 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19/4/2004. Hiện hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi việc sống với ai do các cháu tự quyết định, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Bà Phạm Ngọc L xác nhận bà và ông Phạm Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Ngọc L nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C theo biên lai thu số 0019380 ngày 17/4/2023. Nay chuyển thành án phí.

Bà Phạm Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

**** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Đức H trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức H khẳng định ông và bà Phạm Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Đô, quận C, Thành phố H ngày 24/12/1999. Ông H khẳng định hiện nay ông và bà L có quá nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân không thể

giải quyết được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Ngọc L.

- Về con chung: Ông Phạm Đức H xác nhận ông và bà Phạm Ngọc L trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 24/5/2000 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19/4/2004. Hiện hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi việc sống với ai do các cháu tự quyết định, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Ông Phạm Đức H xác nhận ông và bà Phạm Ngọc L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Phạm Đức H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật về việc nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Phạm Đức H hiện đang chấp hành án, ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ ý kiến theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn: Kể từ khi thụ lý vụ án đến tại trước khi mở phiên toà các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Ngọc L ly hôn với ông Phạm Đức H; Về con chung, hai con chung của ông H và bà L là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 24/5/2000 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19/4/2004 vì hai cháu đều đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết; Về tài sản chung và công nợ, không giải quyết; về án phí, nguyên đơn bà Phạm Ngọc L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Đức H và bà Phạm Thị L thống nhất khẳng định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Đô, quận C, Thành phố H ngày 24/12/1999. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, có nguyện vọng được ly hôn với ông H nên là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Phạm Đức H có địa chỉ nơi cư trú hiện tại là Tập thể Nhựa Bách Hóa, tổ 4, phường Nghĩa Đô, quận C, thành phố H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố H.

[3] Về quá trình tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà L chấp hành theo đúng các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, ngày 07 tháng 7 năm 2023, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Đô, quận C, Thành phố H ngày 24/12/1999. Quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của ông bà chủ yếu do bất đồng quan điểm sống nên xác định không còn tình cảm. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn trình bày ý kiến của ông H và bà L đều thể hiện rõ mâu thuẫn giữa ông H và bà L thật sự trầm trọng. Ông H hiện đang chấp hành án phạt tù, ông xác định ông không còn tình cảm với bà L, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà L ly hôn. Như vậy, đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nguyện vọng

xin ly hôn của bà L đối với ông H là chính đáng, hợp pháp nên được HĐXX chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ những tài liệu trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 24/5/2000 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19/4/2004. Hiện hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi việc sống với ai do các cháu tự quyết định, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét việc giao nuôi con đối với bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H sau ly hôn.

- Về tài sản chung và công nợ chung, nhà ở: Bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H cùng thống nhất xác nhận bà và ông Phạm Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 70, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, khoản 5, 6 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Ngọc L đối với bị đơn ông Phạm Đức H. Bà Phạm Ngọc L được ly hôn với ông Phạm Đức H.

2. Về con chung: Bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 24/5/2000 và cháu Phạm Đức M, sinh ngày 19/4/2004. Hiện hai cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi việc sống với ai do các cháu tự quyết định, nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà ở: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền bà L đã nộp được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C theo biên lai thu số 0019380 ngày 17/4/2023. Nay chuyển thành án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phạm Ngọc L và ông Phạm Đức H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường Nghĩa Đô, C, TP. H;
- VKSND quận C, Thành phố H;
- VKSND Thành phố H;
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Chi cục THADS quận C, Thành phố H;
- Lưu hồ sơ, VP TAND quận C.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng